

Số: **225** /CP-KTTH
V/v đính chính Biểu thuế nhập khẩu

Hà Nội, ngày 06 tháng 6 năm 2018

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Do sơ suất kỹ thuật, xin đính chính:

1. Phụ lục II Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục mặt hàng chịu thuế (ban hành kèm theo Nghị định số 125/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ) như sau:

a) Tại trang 761, dòng thứ 5 từ trên xuống (Tiết b.12.2.1 thuộc Điểm 3.2 Phần I Mục II Chương 98 Phụ lục II) viết là:

“b.12.2.1) Nhóm xe tải có tổng khối lượng toàn bộ theo thiết kế dưới 5 tấn:”

Nay sửa lại là:

“b.12.2.1) Nhóm xe tải có khối lượng toàn bộ theo thiết kế không quá 5 tấn:”

b) Tại trang 784, dòng thứ 17 từ trên xuống (Điểm 1 Phần II Mục II Chương 98) viết là:

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Mã hàng tương ứng tại Mục I phụ lục II	Thuế suất (%)
9821.26.31	---- Loại dung tích xi lanh không quá 2.500 cc	8703.60.71 8703.60.72 8703.60.73 8703.60.74	70

Nay sửa lại là:

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Mã hàng tương ứng tại Mục I phụ lục II	Thuế suất (%)
9821.26.31	---- Loại dung tích xi lanh không quá 2.500 cc	8703.60.71 8703.60.72 8703.60.73 8703.60.74 8703.60.75	70

c) Tại trang 805, dòng thứ 27 từ trên xuống (Điểm 2 Phần II Mục II Chương 98) viết là:

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Mã hàng tương ứng tại Mục I phụ lục II		Thuế suất (%)
		Áp dụng từ ngày ký ban hành đến 31/12/2017	Áp dụng từ ngày 01/01/2018	
9849.28.40	- - - Dùng cho xe thuộc Chương 87	8443.40.90	8443.40.40	0

Nay sửa lại là:

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Mã hàng tương ứng tại Mục I phụ lục II		Thuế suất (%)
		Áp dụng từ ngày ký ban hành đến 31/12/2017	Áp dụng từ ngày 01/01/2018	
9849.28.40	- - - Dùng cho xe thuộc Chương 87	8483.40.90	8483.40.40	0

d) Tại trang 821, dòng thứ 13 và 14 từ trên xuống (Điểm 2 Mục III Phụ lục II) viết là:

“...9821.24.59 (mã hàng tương ứng 8703.40.86, 8704.40.87)...”

Nay sửa lại là:

“...9821.24.59 (mã hàng tương ứng 8703.40.86, 8703.40.87)...”

2. Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại tự do giữa một bên là Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và bên kia là Liên minh Kinh tế Á - Âu và các nước thành viên giai đoạn 2018-2022 (Ban hành kèm theo Nghị định số 150/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ) như sau:

Tại trang 186, các dòng thứ 30, 31, 32 và 33 từ trên xuống viết là:

Mã hàng	Mô tả hàng hóa
3916.90.80	- - Từ các sản phẩm polyme trùng ngưng hoặc tái sắp xếp:
3916.90.70.10	- - - Sợi monofilament
3916.90.70.20	- - - Dạng thanh, que và các dạng hình

Nay sửa lại là:

Mã hàng	Mô tả hàng hóa
3916.90.80	- - Từ các sản phẩm polyme trùng ngưng hoặc tái sắp xếp:
3916.90.80.10	- - - Sợi monofilament
3916.90.80.20	- - - Dạng thanh, que và các dạng hình

3. Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định thương mại tự do giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Chi Lê giai đoạn 2018-2020 (Ban hành kèm theo Nghị định số 154/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ) như sau:

a) Tại trang 146, các dòng thứ 2 và 3 từ dưới lên viết là:

Mã hàng	Mô tả hàng hóa
3004.60.90.10	- - - - Thuốc đông y từ thảo dược
3004.60.90.90	- - - - Loại khác

Nay sửa lại là:

Mã hàng	Mô tả hàng hóa
3004.60.90.10	- - - Thuốc đông y từ thảo dược
3004.60.90.90	- - - Loại khác

b) Tại trang 205, các dòng thứ 23, 24, 25, 26, 27 và 28 từ trên xuống viết là:

Mã hàng	Mô tả hàng hóa
4011.80.11.10	- - Loại có hoa lớp hình chữ chi hoặc tương tự, dùng cho máy kéo, máy thuộc nhóm 84.29 hoặc 84.30, xe nâng hàng hoặc xe và máy xếp dỡ công nghiệp khác
4011.80.11.20	- - Loại khác, có hoa lớp hình chữ chi hoặc tương tự

Nay sửa lại là:

Mã hàng	Mô tả hàng hóa
4011.80.11.10	- - - - Loại có hoa lớp hình chữ chi hoặc tương tự, dùng cho máy kéo, máy thuộc nhóm 84.29 hoặc 84.30, xe nâng hàng hoặc xe và máy xếp dỡ công nghiệp khác
4011.80.11.20	- - - - Loại khác, có hoa lớp hình chữ chi hoặc tương tự

c) Tại trang 459, các dòng thứ 29, 30 và 31 từ trên xuống viết là:

Mã hàng	Mô tả hàng hóa
8481.80.85.10	- - - - Có đường kính cửa thoát không quá 2,5 cm
8481.80.85.20	- - - - Có đường kính cửa thoát trên 2,5 cm

Nay sửa lại là:

Mã hàng	Mô tả hàng hóa
8481.80.85.10	- - - - - Có đường kính cửa thoát không quá 2,5 cm
8481.80.85.20	- - - - - Có đường kính cửa thoát trên 2,5 cm

4. Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Nhật Bản về đối tác kinh tế giai đoạn 2018-2023 (ban hành kèm theo Nghị định số 155/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ) như sau:

a) Tại trang 235, các dòng thứ 9 và 13 từ trên xuống viết là:

Mã hàng	Mô tả hàng hóa
3916.90.70.20	- - - Dạng thanh, que và các dạng hì
3916.90.80.20	- - - Dạng thanh, que và các dạng hì

Nay sửa lại là:

Mã hàng	Mô tả hàng hóa
3916.90.70.20	- - - Dạng thanh, que và các dạng hình
3916.90.80.20	- - - Dạng thanh, que và các dạng hình

b) Tại trang 254, các dòng thứ 39 và 40 từ trên xuống viết là:

Mã hàng	Mô tả hàng hóa
4011.80.21.10	- - - - Có hoa lớp hình chữ chi hoặc
4011.80.21.20	- - - - Loại khác, dùng cho máy thuộ

Nay sửa lại là:

Mã hàng	Mô tả hàng hóa
4011.80.21.10	- - - - Có hoa lớp hình chữ chi hoặc tương tự
4011.80.21.20	- - - - Loại khác, dùng cho máy thuộc nhóm 84.29 hoặc 84.30

c) Tại trang 255, các dòng thứ 3 và 8 từ trên xuống viết là:

Mã hàng	Mô tả hàng hóa
4011.80.29.10	- - - - Có hoa lớp hình chữ chi hoặc
4011.90.10.10	- - - Có hoa lớp hình chữ chi hoặc tư

Nay sửa lại là:

Mã hàng	Mô tả hàng hóa
4011.80.29.10	- - - - Có hoa lớp hình chữ chi hoặc tương tự
4011.90.10.10	- - - Có hoa lớp hình chữ chi hoặc tương tự

d) Tại trang 281, dòng thứ 31 từ trên xuống viết là:

Mã hàng	Mô tả hàng hóa
4421.91.90.10	- - - - Móc gỗ hoặc ghim gỗ dùng ch

Nay sửa lại là:

Mã hàng	Mô tả hàng hóa
4421.91.90.10	- - - - Móc gỗ hoặc ghim gỗ dùng cho giày dép, các loại chuỗi hạt, ngoài chuỗi hạt cầu nguyên

đ) Tại trang 313, dòng thứ 30 từ trên xuống viết là:

Mã hàng	Mô tả hàng hóa
5112.11.00.10	- - - Đã được in kiểu batik truyền th

Nay sửa lại là:

Mã hàng	Mô tả hàng hóa
5112.11.00.10	- - - Đã được in kiểu batik truyền thống

e) Tại trang 499, dòng thứ 25 từ trên xuống viết là:

Mã hàng	Mô tả hàng hóa
8409.99.72.10	- - - - Thân động cơ (cylinder bloc)

Nay sửa lại là:

Mã hàng	Mô tả hàng hóa
8409.99.72.10	- - - - Thân động cơ (cylinder block)

5. Danh mục hàng hóa áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch của Việt Nam để thực hiện Hiệp định thành lập Khu vực Thương mại tự do ASEAN - Ôt-xtrây-lia - Niu Di-lân giai đoạn 2018-2022 (Ban hành kèm theo Nghị định số 158/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ) như sau:

Các dòng thứ 13, 14, 15, 16 và 17 từ trên xuống viết là:

Mã hàng	Mô tả hàng hoá	Thuế suất AANZFTA (%)				
		2018	2019	2020	2021	2022
1701.99	-- Loại khác:					
	--- Đường đã tinh luyện:					
1701.99.11	---- Đường trắng	100	100	100	100	50
1701.99.19	---- Loại khác	100	100	100	100	50
1701.99.90	--- Loại khác	100	100	100	100	50

Nay sửa lại là:

Mã hàng	Mô tả hàng hoá	Thuế suất AANZFTA (%)				
		2018	2019	2020	2021	2022
1701.99	-- Loại khác:					
1701.99.10	--- Đường đã tinh luyện	100	100	100	100	50
1701.99.90	--- Loại khác	100	100	100	100	50

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (3b).

**TM. CHÍNH PHỦ
TUO. THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH**



Đinh Tiến Dũng